

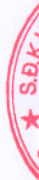
MỤC LỤC

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04-07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN LỆ	09-10
6. THUYẾT	11-12

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Hội Đồng Quản Trị trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Thực Phẩm Công Nghệ Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301017568, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 24 tháng 9 năm 2012.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty:

Ủy thác mua bán hàng hóa; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán lương thực, thực phẩm; Mua bán đồ uống, rượu, bia (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống); Sản xuất giấy nhẵn và bao bì, tập vở, giấy văn phòng phẩm (phong bì, giấy thấm, giấy viết, giấy in ở văn phòng, giấy tập); In bìa tập học sinh, nhãn hàng, bao bì, giấy tờ quản lý (không in tại trụ sở); Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh và nội tỉnh; Dịch vụ kho vận; Kinh doanh lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế; Kinh doanh nhà ở, cho thuê nhà ở, cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (kios, trung tâm thương mại); Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu; Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước và sản phẩm từ sợi thuốc lá; Mua bán giấy, vở, bìa các tông, văn phòng phẩm, mua bán xà phòng, dầu gội đầu, chất tẩy rửa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Môi giới bất động sản; Hoạt động đóng gói; Mua bán sản phẩm nhựa, hàng điện máy, điện gia dụng.

Trụ sở chính: 103-105 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. HCM.

Các chi nhánh của Công ty:

- Chi Nhánh Thực Phẩm Công Nghệ Bình Tây: 468 Nguyễn Văn Luông, Phường 12, Quận 6, TP. HCM;
- Chi Nhánh Thực Phẩm Công Nghệ Hoàng Diệu: 140 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. HCM;
- Chi Nhánh Thực Phẩm Công Nghệ Bến Thành: 27-29-31-33 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. HCM;
- Chi Nhánh Thực Phẩm Công Nghệ Bình Đông: 306 Trần Văn Kiểu, Phường 3, Quận 6, TP. HCM;
- Chi Nhánh Thực Phẩm Công Nghệ Miền Đông: 191 Bùi Thị Xuân, Phường 1, Quận Tân Bình, TP. HCM.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tùng	Chủ tịch
Ông Phạm Bá Huy	Phó Chủ tịch
Ông Lê Dũng	Thành viên
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên
Ông Ngô Văn Sang	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Trần Ngọc Đăng	Trưởng ban
Bà Trần Thị Tuyết Hồng	Thành viên
Bà Phan Thục Vũ	Thành viên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Ban Giám đốc

Ông Lê Dũng

Giám Đốc - Người đại diện theo pháp luật.

Ông Phạm Văn Chung

Phó Giám đốc

Ông Võ Văn Ân

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thu

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán đã được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TP. HCM, ngày 16 tháng 4 năm 2013

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Lê Tùng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 0612447 /AISC-DN6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Kính gửi:

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Công Nghệ Sài Gòn

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 31 tháng 01 năm 2013 của CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN từ trang 04 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; Đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. HCM, ngày 16 tháng 4 năm 2013

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Diệu Thúy

Số chứng chỉ KTV: 0212/KTV
Bộ Tài chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

Phan Thị Mỹ Huệ

Số chứng chỉ KTV: 0536/KTV
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		348.711.937.706	378.569.618.772
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	27.295.836.864	24.616.102.935
1. Tiền	111		27.295.836.864	24.616.102.935
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		98.032.975.915	170.152.068.303
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	22.815.723.168	26.217.392.223
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	61.152.683.840	142.796.279.485
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	16.622.813.531	1.356.695.218
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.02	(2.558.244.624)	(218.298.623)
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	193.245.568.045	145.864.999.740
1. Hàng tồn kho	141		193.245.568.045	145.864.999.740
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.137.556.882	37.936.447.794
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		202.655.925	174.230.828
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.940.166.107	34.005.606.124
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		273.747.765	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	3.720.987.085	3.756.610.842

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		37.248.975.645	26.920.943.829
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.176.845.633	8.490.889.208
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	6.143.195.740	6.191.503.028
- Nguyên giá	222		19.410.256.156	19.966.905.655
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.267.060.416)	(13.775.402.627)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	10.033.649.893	2.299.386.180
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		19.570.506.000	15.670.506.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.09	26.570.506.000	26.570.506.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.09	(7.000.000.000)	(10.900.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.501.624.012	2.759.548.621
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.501.624.012	2.759.548.621
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		385.960.913.351	405.490.562.601

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		300.476.020.690	321.696.282.878
I. Nợ ngắn hạn	310		300.159.333.158	321.431.019.790
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	231.622.014.719	263.587.565.662
2. Phải trả cho người bán	312	V.12	12.247.432.291	44.813.991.287
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	53.544.116.510	3.942.861.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	387.084.577	1.164.821.634
5. Phải trả người lao động	315		-	5.757.642.839
6. Chi phí phải trả	316		17.700.000	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	2.029.807.979	1.937.735.267
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		311.177.082	226.402.101
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		316.687.532	265.263.088
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		223.088.000	99.128.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	93.599.532	124.799.388
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	41.335.700
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		85.484.892.661	83.794.279.723
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	85.484.892.661	83.794.279.723
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.856.398.029	12.922.458.799
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.000.000.000	3.000.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		38.628.494.632	37.871.820.924
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		385.960.913.351	405.490.562.601

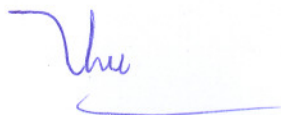
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		129.738.444.570	5.612.173.429
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	V.01	4.224,46	4.280,18
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Thành Chung

Nguyễn Thị Thu



Lê Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

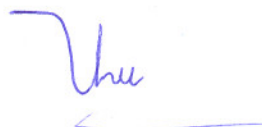
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	2.690.771.814.852	2.650.533.844.430
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	911.067.612	2.778.419.717
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	2.689.860.747.240	2.647.755.424.713
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	2.644.082.807.358	2.575.930.927.935
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		45.777.939.882	71.824.496.778
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	22.952.248.843	10.844.386.764
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	25.970.585.219	36.852.790.667
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		29.503.704.188	35.066.656.372
8. Chi phí bán hàng	24	VI.07	42.087.419.834	43.536.307.112
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.08	12.203.048.520	12.892.796.819
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		(11.530.864.848)	(10.613.011.056)
11. Thu nhập khác	31	V.09	20.298.321.324	23.260.754.675
12. Chi phí khác	32	V.10	319.294.981	43.607.723
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		19.979.026.343	23.217.146.952
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.448.161.495	12.604.135.896
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.11	1.559.279.332	3.264.743.592
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		6.888.882.163	9.339.392.304
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.13	2.296	3.113

TP. HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc


Phạm Thành Chung

Nguyễn Thị Thu

Lê Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	01	2.812.726.458.125	2.761.835.491.963
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02	(2.764.001.878.050)	(2.752.923.880.931)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(20.980.224.221)	(25.251.215.447)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(23.869.797.747)	(28.216.957.028)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.367.748.555)	(6.040.760.113)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	90.835.021.374	26.234.744.076
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(58.449.904.887)	(63.816.383.161)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	33.891.926.039	(88.178.960.641)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(9.222.430.761)	(484.366.735)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.321.818.183	37.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	17.754.676.190	8.186.991.265
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	9.854.063.612	7.739.624.530
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.535.502.353.104	1.088.699.578.559
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.572.859.050.526)	(1.004.088.002.914)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.709.558.300)	(7.729.414.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(41.066.255.722)	76.882.160.945

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

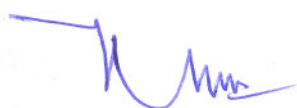
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	2.679.733.929	(3.557.175.166)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	24.616.102.935	28.186.865.893
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(13.587.792)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	<u>27.295.836.864</u>	<u>24.616.102.935</u>

TP. HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Phạm Thành Chung

Nguyễn Thị Thu



Lê Dũng